

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về dự án và gói thầu

1. Mô tả khái quát về dự án

1.1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Hải.

1.3. Loại cấp công trình: Công trình hạ tầng, cấp IV.

1.3. Địa điểm xây dựng: Xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng

1.4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã

2. Mục tiêu, quy mô, phương án xây dựng

a) Mục tiêu đầu tư xây dựng

Nâng cao chất lượng sử dụng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt góp phần thay đổi diện mạo đô thị thành phố nói chung và nông thôn xã Kiến Hải nói riêng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, dịch vụ, du lịch. Góp phần cải thiện môi trường, cảnh quan, nâng cao điều kiện sống của cộng đồng dân cư trong khu vực. Hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng về giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển chung của xã Kiến Hải.

b) Quy mô đầu tư xây dựng

Danh mục tuyến đường đầu tư:

STT	Tên tuyến đường	Chiều dài (m)
1	Tuyến 1: Từ nhà văn hóa đến nhà ông Thắng, thôn Thái Lai	314,0
2	Tuyến 2: Từ cổng Thái Lai qua nhà ông Triển đến cổng bà Lĩnh, thôn Lão Phong 2	266,0
3	Tuyến 3: Từ nhà ông Lượng (đường nối 361 đến 402) đến đường xóm 3, thôn Lão Phong 2	216,0
4	Tuyến 4: Từ đường liên xã (đường nối 361 đến phường Nam Đồ Sơn) đến nhà anh Đoàn Đức Duy, thôn Kính Trục	415,0
5	Tuyến 5: Từ đường liên xã (đường nối 361 đến phường Nam Đồ Sơn) đến nhà anh Bùi Văn Thuận, thôn Kính Trục	178,0
6	Tuyến 6: Từ đường liên xã (đường nối 361 đến phường Nam Đồ Sơn) nhà văn hóa đến nhà anh Bùi Văn Bính, thôn Kính Trục	520,0
7	Tuyến 7: Từ nhà ông Bắc đến nhà ông Diễm, thôn 7	259,0
8	Tuyến 8: Từ nhà bà Díu đến nhà bà Đúp, thôn 8	187,0
9	Tuyến 9: Từ nhà bà Duyên đến nhà bà Bé, thôn 6	228,0
10	Tuyến 10: Từ nhà ông Bưng đến nhà ông Nam, thôn 4	123,0
11	Tuyến 11: Từ nhà ông Tộp đến nhà ông Năm, thôn 5	166,0

12	Tuyến 12: Từ nhà ông Vĩnh đến nhà ông Nhõn, thôn 4	111,0
13	Tuyến 13: Từ nhà bà Trà đến nhà bà Tuyền, thôn 3	185,0
14	Tuyến 14: Từ nhà ông Ý đến Miếu quan Đè Tảo, thôn 2	222,0
15	Tuyến 15: Từ nhà ông Quyết đến nhà ông Thành, thôn 1	249,0
16	Tuyến 16: Từ nhà ông Đức đến nhà ông Suyn, thôn 1	92,0
17	Tuyến 17: Từ nhà ông Suyn đến nhà ông Vãng, thôn 1	181,0
18	Tuyến 18: Từ nhà ông Thuấn đến nhà ông Tuyên, thôn 2	217,0
19	Tuyến 19: Từ nhà ông À đến nhà ông Diệp, thôn 3	465,0
20	Tuyến 20: Từ đường 430 đến nhà ông bà Thục Châm, thôn Đại Lộc 1	171,0
21	Tuyến 21: Từ nhà ông Hoàng Văn Đáng đến nhà ông Phạm Văn Năm, thôn Đại Lộc 1	96,0
22	Tuyến 22: Từ nhà ông Bậu đến nhà ông Minh, thôn 3	149,0
23	Tuyến 23: Từ nhà ông Ngậy (đường Bưu điện - Cống Đồng) đến nhà bà Be, thôn 2 và thôn 3	235,0
24	Tuyến 24: Từ đường 403 (nhà ông Phụng) đến đường 403 nhánh 2 (đường nhà Mạc)	220,0
25	Tuyến 25: Từ nhà văn hóa thôn 9 đến đường đê	223,0
26	Tuyến 26: Từ nhà ông Bùi Văn Thiệu đến nhà ông Đỗ Văn Quyến, thôn Kính Trục	208,0
27	Tuyến 28: Từ nhà bà Vũ Thị Quyên đến nhà ông Bùi Đức Học, thôn Kính Trục	143,0
28	Tuyến 27: Từ nhà ông Đăng Quang Tuân đến nhà bà Hoàng Thị Sự, thôn Kính Trục	262,0
29	Tuyến 29: Từ nhà ông Đỗ Văn Quyền đến nhà ông Đỗ Văn Nhân, thôn Lão Phong 2	241,0
30	Tuyến 30: Từ đường 403 (nhà ông Xuân) đến Nghĩa trang liệt sĩ Tú Sơn, thôn 3	224,0
31	Tuyến 31: Từ đường 361 (nhà ông Hanh) đến đường Bưu điện - Cống Đồng (trường THCS Tú Sơn), thôn 3	267,0

- Hệ thống điện chiếu sáng sử dụng đèn LED 80W-100W; Thân đèn làm bằng nhôm đúc áp lực, sơn tĩnh điện đạt chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn: 2001/85/EU. Độ kín quang học \geq IP660 (theo TCVN 7722-1-2009); Độ chịu va đập của kính đèn IK08 (theo IEC 60662 : 2002); Bộ đèn có dây nối đất, có bảo vệ xung sét lan truyền 15kV; Hiệu suất phát quang của bộ đèn \geq 110lm/W; Nhiệt độ màu 4500K.

- Cột đèn cao 6-7m: Thiết kế loại cột bằng thép bát giác mạ kẽm tròn côn liền, cần đèn vươn 1,5m, góc nghiêng là 15 độ chân cột cố định cột bằng 4 bu lông M24x750 chôn trong bê tông đá 1x2, M200.

- Bố trí khoảng cách trung bình giữa các đèn: 30m đến 35m

- Móng cột thép bát giác được đúc tại chỗ, bê tông móng đá 2x4, M200, bê tông lót móng đá 4x6, M100, khi đúc móng đặt sẵn ống nhựa HDPE 65/50 để luồn cáp. Chân cột đèn thép cố định với móng bằng 4 bu lông đặt trong bê tông móng, phần tiếp giáp giữa mặt bích chân cột và bê tông móng có chèn lớp vữa xi măng dày 5-7 cm M100 để tránh đọng nước tại chân cột.

- Cọc tiếp đất dùng cọc thép L63x63x6 dài 2,5m. Sử dụng 01 cọc tiếp đất cho 1 cột đèn. Cọc sau khi gia công được đánh gỉ, mạ kẽm nhúng nóng.

- Cáp điện sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-(3x16+1x10)mm², luồn trong ống HDPE 65/50.

- Nguồn cấp: Cấp nguồn cho toàn bộ tuyến chiếu sáng bằng nguồn cấp từ cột điện hạ thế hoặc cột điện chiếu sáng hiện trạng.

Chi tiết phương án thiết kế công trình tuân thủ theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT.

3. Thông tin chung về gói thầu:

- Gói thầu: Gói thầu số 05: Xây lắp
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 330 ngày

4. Phạm vi công việc gói thầu:

Thi công xây dựng các hạng mục công việc của gói thầu đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật tại Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành theo quy định của pháp luật.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày bắt đầu theo quy định của hợp đồng đến khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng không vượt quá 330 ngày

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về quản lý chất lượng:

Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát.

- Nhà thầu nêu bộ máy quản lý tại trụ sở và tại hiện trường (có sơ đồ và thuyết minh cụ thể).

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng; trong đó nêu rõ mô hình, chức năng, nhiệm vụ của các tổ đội, cán bộ chủ chốt;....

- Nhân sự chủ chốt chỉ được thay đổi khi được sự đồng ý của Chủ đầu tư bằng văn bản. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tối thiểu bằng năng lực, kinh

nghiệm của nhân sự bị thay thế.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị

Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Yêu cầu phải có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu. Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

Ghi chú:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng khối lượng mời thầu hoặc yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu vật tư, thiết bị hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

- Cụm từ “tương đương” được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng.

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt

Nhà thầu phải tuân thủ đúng trình tự thi công, lắp đặt theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt từ khi nhận bàn giao mặt bằng đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa và đưa vào sử dụng.

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ

Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về an toàn phòng, chống cháy, nổ trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

Nhà thầu phải sử dụng các biện pháp hợp lý để đảm bảo vệ sinh môi trường thi công, đảm bảo qui định vệ sinh môi trường, giao thông đô thị, không làm ảnh hưởng tới hoạt động và sinh hoạt bình thường của các công trình lân cận.

Nhà thầu phải dọn dẹp toàn bộ hệ thống kho bãi công trình, tổng vệ sinh các hạng mục, thu dọn phế thải để hoàn nguyên cảnh quan khu vực trước khi tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình.

7. Yêu cầu về an toàn lao động

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và có các biện pháp đảm bảo an toàn lao động theo quy định trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công

Nhà thầu phải có biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công hợp lý, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ cam kết trong HSDT.

Những thiết bị xe máy đưa vào công trình đều là loại được lựa chọn có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Nhà thầu tùy thuộc vào Biểu đồ tiến độ thi công và biểu đồ sử dụng máy móc thi công mà sử dụng dụng máy móc cho phù hợp. Căn cứ vào mức độ đáp ứng và sự phù

hợp sử dụng máy móc trong công tác thi công đó để đánh giá.

Tất cả các chi phí liên quan đến vận hành, bảo dưỡng, khấu hao và dời chuyển các máy móc thi công phải được tính trong giá dự thầu.

IV. Các bản vẽ

Theo file đính kèm E-HSMT.